TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 968/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v tranh chấp: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư

2. Bà Trần Thị Ngọc Hà

- T ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm – T ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 602/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Minh T, sinh năm 1978 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*
Tờng trú: 2117/38 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trương Ngọc P, sinh năm 1979 *(vắng mặt)*
Tờng trú: 2117/38 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Minh T trình bày:**

Bà Trần Minh T và ông Trương Ngọc P tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyển số 01/2012 của Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2012. Bà T và ông P chung sống có một người con chung tên Trương Ngọc Phương A (nữ), sinh ngày 04/8/2014. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông P ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc Phương A và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai hai bên không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Trương Ngọc P các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P không đến làm việc và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông P. Ngày 02/8/2023, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Trương Ngọc P vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là bà Trần Minh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Trần Minh T, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Minh T và ông Trương Ngọc P tự nguyện sống chung từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và không có sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông P ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, ông P không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông P cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông P.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông P có một người con chung tên Trương Ngọc Phương A (nữ), sinh ngày 04/8/2014. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Trương Ngọc Phương A hiện tại do bà T nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ, bà T có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con phát triển bình Tờng. Ông P vắng mặt không rõ ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc Phương A. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông P không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Bà Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Minh T được ly hôn với ông Trương Ngọc P.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Ngọc Phương A (nữ), sinh ngày 04/8/2014 cho bà Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Minh T về việc không yêu cầu ông Trương Ngọc P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Minh T khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Ngọc P không có mặt để trình bày ý kiến nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0035881 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Minh T và ông Trương Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 8;
- TAND Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường C, Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng